

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIETLIFE NANO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIETLIFE NANO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETLIFE NANO PHARMACEUTICALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETLIFE NANO PHARMACEUTICALS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109315199

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, toà nhà 97-99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Doanh nghiệp bán buôn thuốc.<br>(Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)<br>- Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc | 4649     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                   | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>- Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế<br>- Kinh doanh hóa chất sử dụng trong trang thiết bị y tế.<br>(Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật) | 4669 |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4722 |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu);<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;                                        | 4773 |
| 11. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 12. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7912 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931 |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Đại lý bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                 | 4761 |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu);                                                                                                                                                                                                               | 4662 |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;                                                                                                                                                                              | 8559 |
| 18. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở)<br>(Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)                                                                                                                                                   | 8620 |

|     |                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)                  | 4620        |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: bán buôn thực phẩm chức năng                                                        | 4632(Chính) |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4723        |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh              | 4741        |
| 23. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                     | 4751        |
| 24. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4771        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); | 5610        |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);              | 5630        |
| 27. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                             | 9329        |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                   | 4101        |
| 29. | Phá dỡ                                                                                                              | 4311        |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                             | 4102        |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                       | 4211        |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);                                | 4312        |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                             | 3320        |
| 34. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                        | 4212        |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                          | 4299        |
| 36. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                            | 5621        |
| 37. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                 | 7990        |
| 38. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                       | 9610        |
| 39. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                      | 8531        |
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (trừ máy bay và kinh khí cầu)        | 7730        |
| 41. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                               | 2100        |
| 42. | Đào tạo trung cấp                                                                                                   | 8532        |
| 43. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                    | 8533        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                  | 3250 |
| 45. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4631 |
| 46. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Bệnh viện (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)                                                                                                                                                                                            | 8610 |
| 47. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Nhà thuốc; bán lẻ thực phẩm chức năng<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm: cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu | 4772 |
| 48. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4759 |
| 49. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm xuất nhập khẩu dược phẩm)                                                                                                                                 | 8299 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                             | 4789 |
| 51. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;<br>(Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).                                                                               | 1079 |
| 52. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                       | 2023 |
| 53. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                  | 7213 |
| 54. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 55. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224 |
| 56. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                      | 5225 |
| 57. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                                                                                                                         | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ÁNH VÂN   | W1104 The-Manor, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 220.500    | 2.205.000.000         | 49,000    | 011548073                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                   | 220.500    | 2.205.000.000         | 49,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC NGHĨA | 210 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 117.000    | 1.170.000.000         | 26,000    | 033046000788                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                   | 117.000    | 1.170.000.000         | 26,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>NGỌC BÌNH | 210 Đội Cấn,<br>Phường Đội Cấn,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 | 0791450009<br>19 |
|   |                         |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                   | Tổng số                            | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ÁNH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011548073

Ngày cấp: 11/11/2011

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: W1104 The-Manor, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: W1104 The-Manor, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội